

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 371 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27/9/2024;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 395/2024/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2024 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- **Anh Ninh Tiến D, sinh năm 1982.**

Trú tại: thôn Dậu 1, xã Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

- **Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1984.**

Trú tại: thôn Dậu 1, xã Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tình cảm: Anh **Ninh Tiến D** và chị **Nguyễn Thị P** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Dân Hòa, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội ngày 26/02/2010, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh Dũng và chị Phượng phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn nên cùng xin thuận tình ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn của anh Dũng và chị Phượng thực sự trầm trọng, nguyện vọng xin ly hôn của anh chị là chính đáng, nên Tòa chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh Dũng và chị Phượng.

[2] Về con chung: Anh **Ninh Tiến D** và chị **Nguyễn Thị P** có 02 (hai) con chung là cháu Ninh Hương Giang, sinh ngày 09/6/2011 và cháu Ninh Khải Tuấn, sinh ngày

30/3/2013. Khi ly hôn, anh chị thỏa thuận giao cả hai con chung cho chị **Nguyễn Thị P** trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con: **Ninh Tiến D** tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 10.000.000đ/1 tháng kể từ tháng 10/2024 cho đến khi cháu Giang và cháu Tuấn đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác.

Anh **Ninh Tiến D** có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung vợ chồng: Anh **Ninh Tiến D** và chị **Nguyễn Thị P** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh **Ninh Tiến D** và chị **Nguyễn Thị P** không vay nợ ai và cũng không cho ai vay, nếu có phát sinh anh chị xin tự chịu trách nhiệm.

[5] Về lệ phí: Anh **Ninh Tiến D** và chị **Nguyễn Thị P** phải chịu lệ phí giải quyết việc ly hôn và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **Ninh Tiến D** và chị **Nguyễn Thị P**;

- Về con chung: Giao cháu Ninh Hương Giang, sinh ngày 09/6/2011 và cháu Ninh Khải Tuấn, sinh ngày 30/3/2013 cho chị **Nguyễn Thị P** trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Giang và cháu Tuấn đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh **Ninh Tiến D** tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 10.000.000đ/1 tháng kể từ tháng 10/2024 cho đến khi cháu Giang và cháu Tuấn đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền theo thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Anh **Ninh Tiến D** có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh **Ninh Tiến D** và chị **Nguyễn Thị P** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh **Ninh Tiến D** và chị **Nguyễn Thị P** không vay nợ ai và cũng không cho ai vay, nếu có phát sinh anh chị xin tự chịu trách nhiệm.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh **Ninh Tiến D** và chị **Nguyễn Thị P** phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đồng lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình được trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng lệ phí anh, chị đã nộp theo biên lai thu số 0005992 ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Anh Dũng và chị Phượng đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhân:

- Các bên đương sự;
- VKS huyện Hoài Đức;
- UBND xã Dân Hòa, Thanh Oai,
Hà Nội (GCNKH số 18 ngày 26/02/2010);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Quản Việt Phương